

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-6-2022  
V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kim Trường Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Lan Hương.

2. Ông Trần Văn Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa; nguyên đơn bà Huỳnh Thị G trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/1996. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 04/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do ông M ghen tuông nên thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà; bà nhiều lần khuyên nhưng ông M không thay đổi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông M nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án; bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị G về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do dịch bệnh nên ông không có việc làm để có tiền; do đó, vợ chồng cãi nhau về tiền bạc, ông có nhậu nhưng không thường xuyên và không có đánh đập bà G, có một lần bà G không lấy đồ của ông để trời mưa ướt nên hai bên có lời nói xúc phạm lẫn nhau. Nay bà G yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai có hai con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/3/1993 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/7/1998; hiện nay, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai một căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m<sup>2</sup> được xây dựng trên diện tích đất khoảng 500m<sup>2</sup>; bà G và ông M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Bà Huỳnh Thị G khởi kiện ông Nguyễn Văn M. Hiện nay, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ngày 28 tháng 6 năm 2022, ông Nguyễn Văn M là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/8/1996, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, ông M ghen tuông nên vợ chồng có lời nói xúc phạm lẫn nhau; do đó, bà G và ông M đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông M và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà G có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai có hai con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/3/1993 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/7/1998; hiện nay, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Huỳnh Thị G phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G đối với ông Nguyễn Văn M. Bà Huỳnh Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai có hai con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/3/1993 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/7/1998; hiện nay, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị G và ông Nguyễn Văn M khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Huỳnh Thị G phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006465 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã A, huyện C, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Kim Trường Sơn**